

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN TỬA CHÙA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /KH-UBND

Tủa Chùa, ngày tháng 7 năm 2022

## **KẾ HOẠCH**

### **Hành động phòng, chống suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2025 huyện Tủa Chùa**

Thực hiện Kế hoạch số 2016/KH-UBND ngày 01/07/2022 của UBND tỉnh Điện Biên về việc hành động phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 tỉnh Điện Biên. UBND huyện Tủa Chùa xây dựng Kế hoạch hành động phòng, chống suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2025 trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

#### **I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung:** Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi, góp phần nâng cao tầm vóc và thể lực của trẻ em dưới 5 tuổi vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện.

#### **2. Các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể đến 2025**

a) Mục tiêu cụ thể 1: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi và tình trạng thiếu năng lượng trường diễn của phụ nữ tuổi sinh đẻ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

TT	Chỉ số	Đơn vị tính	Thực hiện		Chỉ tiêu đến năm 2025
			Năm 2020	Năm 2021	
1	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi (chiều cao/tuổi)	%	24,92	24,19	23,0
2	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể gầy còm (chiều cao/cân nặng)	%	Chưa có điều tra	Chưa có điều tra	<4,0
3	Tỷ lệ phụ nữ tuổi sinh đẻ thiếu năng lượng trường diễn	%	Chưa có điều tra	Chưa có điều tra	<5,0

b) Mục tiêu cụ thể 2: Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi và phụ nữ tuổi sinh đẻ, phụ nữ có thai vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

TT	Chỉ số	Đơn vị tính	Thực hiện		Chỉ tiêu đến năm 2025
			Năm 2020	Năm 2021	
1	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi có hàm lượng Vitamin A huyết thanh thấp	%	Chưa có điều tra		<13,5
2	Tỷ lệ Vitamin A trong sữa mẹ thấp ở phụ nữ cho con bú	%			<20,0
3	Tỷ lệ thiếu máu ở trẻ em dưới 5 tuổi	%			<20,0
4	Tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ mang thai	%			<25,5
5	Tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ tuổi sinh đẻ	%			<20,0
6	Tỷ lệ thiếu kẽm ở trẻ em dưới 5 tuổi	%			<60,0
7	Tỷ lệ thiếu kẽm ở phụ nữ có thai	%			<70,0
8	Tỷ lệ phụ nữ có thai vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được cung cấp miễn phí viên đa vi chất từ khi phát hiện mang thai đến 1 tháng sau sinh	%	89,0	89,6	>90,0

c) Mục tiêu cụ thể 3: Cải thiện số lượng và chất lượng bữa ăn của trẻ em dưới 5 tuổi và phụ nữ tuổi sinh đẻ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

TT	Chỉ số	Đơn vị tính	Thực hiện		Chỉ tiêu đến năm 2025
			Năm 2020	Năm 2021	
1	Tỷ lệ trẻ dưới 6 tháng tuổi được nuôi hoàn toàn bằng sữa mẹ	%	38,0	43,5	>44,0
2	Tỷ lệ trẻ 6-23 tháng được ăn bổ sung đúng, đủ	%	Chưa có điều tra		50,0
3	Tỷ lệ phụ nữ tuổi sinh đẻ ăn đa dạng các loại thực phẩm	%			90,0
4	Tỷ lệ hộ gia đình thiếu an ninh thực phẩm mức độ nặng và vừa	%			<25,0
5	Tỷ lệ hộ gia đình dùng muối i-ốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh hoặc gia vị mặn có iod hằng ngày duy trì ở mức	%	100,0	100,0	100,0

d) Mục tiêu cụ thể 4: Tăng cường khả năng tiếp cận và chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai, trẻ sơ sinh và trẻ em dưới 2 tuổi vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

TT	Chỉ số	Đơn vị tính	Thực hiện	Chỉ tiêu đến năm 2025
----	--------	-------------	-----------	-----------------------

			Năm 2020	Năm 2021	
1	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai 4 lần trong 3 thai kỳ	%	54,8	60,7	> 62,0
2	Tỷ lệ phụ nữ đẻ tại cơ sở y tế	%	64,7	61,4	67,0
3	Tỷ lệ phụ nữ đẻ được người đỡ đẻ có kỹ năng hỗ trợ	%	61,4	62,8	72,0
4	Tỷ lệ phụ nữ có thai được cung cấp kiến thức, kỹ năng về lợi ích của việc chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ trong 1000 ngày đầu đời	%	Chưa có điều tra		90,0
5	Tỷ lệ bà mẹ nuôi con nhỏ, người chăm sóc trẻ được cung cấp kiến thức, kỹ năng chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ	%			90,0

e) Mục tiêu cụ thể 5: Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của mạng lưới dinh dưỡng tại cộng đồng và cơ sở y tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

TT	Chỉ số	Đơn vị tính	Thực hiện		Chỉ tiêu đến năm 2025
			Năm 2020	Năm 2021	Huyện Tủa Chùa
1	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách dinh dưỡng tuyến huyện, xã và y tế thôn bản được tập huấn, cập nhật kiến thức về chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em	%	58,3	>60,0	>90,0
2	Số đơn vị thực hiện giám sát dinh dưỡng theo quy định	%	100,0	100,0	100,0
3	Đảm bảo giám sát tình huống khẩn cấp về dinh dưỡng do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh được đánh giá và can thiệp kịp thời	%	100,0	100,0	100,0

## II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

**1. Phạm vi:** Tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2025 trên địa bàn huyện Tủa Chùa.

**2. Đối tượng thụ hưởng:** Trẻ em dưới 5 tuổi (ưu tiên trẻ em dưới 2 tuổi), phụ nữ tuổi sinh đẻ (chú trọng phụ nữ có thai và bà mẹ cho con bú) vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện Tủa Chùa.

## III. CÁC GIẢI PHÁP VÀ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

### 1. Về chính sách và chỉ đạo điều hành

a) Triển khai thực hiện các chính sách, quy định pháp luật về dinh dưỡng và thực phẩm

- Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Luật

trẻ em; Nghị định số 100/2014/NĐ-CP ngày 06/11/2014 của Chính phủ Quy định về kinh doanh và sử dụng sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, bình bú và vú ngậm nhân tạo; Nghị định số 09/2016/NĐ-CP ngày 28/01/2016 của Chính phủ Quy định về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan đến dinh dưỡng và khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ;

- Thực hiện các chính sách về bảo hiểm y tế để chi trả chi phí khám, điều trị phục hồi cho trẻ bị suy dinh dưỡng cấp tính nặng; chính sách về dinh dưỡng cho trẻ em mắc các bệnh hiểm nghèo, bệnh chuyên hóa do di truyền và bệnh hiếm; chính sách huy động nguồn lực của ngân sách để thực hiện kế hoạch;

- Thực hiện các chính sách hỗ trợ, bảo đảm an ninh lương thực, thực phẩm cho vùng nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh; chính sách để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư sản xuất và cung ứng các sản phẩm dinh dưỡng đặc thù hỗ trợ cho vùng nghèo, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là cho phụ nữ có thai, trẻ em dưới 5 tuổi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn;

b) Đưa các chỉ tiêu giảm suy dinh dưỡng thấp còi là một trong các chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương.

c) Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành và xã hội hóa để đẩy mạnh và tăng cường đầu tư cho hoạt động dinh dưỡng; huy động, khuyến khích các tổ chức xã hội và doanh nghiệp tham gia thực hiện Kế hoạch.

## **2. Về truyền thông và vận động xã hội**

a) Sử dụng và phát huy hiệu quả mạng lưới thông tin truyền thông từ tỉnh đến các địa phương để tuyên truyền, phổ biến, vận động các cấp, các ngành, đoàn thể và người dân thực hiện các chủ trương chính sách pháp luật, các hướng dẫn, khuyến cáo về dinh dưỡng.

b) Xây dựng và cung cấp các tài liệu, chương trình truyền thông, tư vấn về sức khỏe và dinh dưỡng phù hợp với phương thức truyền thông và các nhóm đối tượng đặc thù là người dân tộc thiểu số, chú trọng nâng cao hiểu biết và thực hành dinh dưỡng hợp lý của phụ nữ, trẻ em, cha mẹ, người chăm sóc trẻ, giáo viên.

c) Tăng cường truyền thông trực tiếp đến các đối tượng, vùng miền có tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi cao như vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nông dân nghèo và cận nghèo. Nhân rộng các mô hình truyền thông trực tiếp có hiệu quả như phòng tư vấn nuôi dưỡng trẻ nhỏ, nhóm hỗ trợ nuôi dưỡng trẻ nhỏ, câu lạc bộ dinh dưỡng, thăm hộ gia đình, nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng.

d) Vận động cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp sản xuất và cung ứng thực phẩm an toàn.

## **3. Về chuyên môn nghiệp vụ**

a) Triển khai toàn diện về chăm sóc dinh dưỡng cho 1.000 ngày đầu đời, bao gồm thực hiện chăm sóc sức khỏe và bảo đảm dinh dưỡng hợp lý cho bà mẹ

trước, trong và sau sinh; nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; ăn bổ sung hợp lý cho trẻ dưới 2 tuổi; định kỳ theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ; đảm bảo nước sạch, vệ sinh cá nhân (bao gồm rửa tay thường xuyên với xà phòng) và vệ sinh môi trường.

b) Can thiệp dinh dưỡng cho những đối tượng có nguy cơ cao

- Bổ sung viên nang Vitamin A cho trẻ em và bà mẹ sau sinh; bột đa vi chất cho trẻ em; viên sắt/đa vi chất cho trẻ gái vị thành niên, phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ, phụ nữ có thai và cho con bú; kẽm cho trẻ tiêu chảy;

- Thực hiện quản lý và điều trị suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em; hỗ trợ dinh dưỡng cho các đối tượng có nguy cơ, vùng có thiên tai, thảm họa, dịch bệnh.

- Tẩy giun định kỳ cho trẻ em và phụ nữ theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

c) Triển khai các chương trình, dự án và các giải pháp can thiệp đặc hiệu góp phần cải thiện tình trạng dinh dưỡng, nâng cao tầm vóc, thể lực của người dân khu vực miền núi, vùng nghèo, khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số.

d) Triển khai các hoạt động dinh dưỡng hợp lý cho trẻ em tại các trường mầm non trên địa bàn huyện

- Tăng cường giáo dục, truyền thông, tư vấn thay đổi hành vi cho trẻ và cha mẹ trẻ về nhu cầu dinh dưỡng, dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực;

- Hướng dẫn, tổ chức bữa ăn cho trẻ bảo đảm dinh dưỡng hợp lý tại các trường mầm non bán trú; tăng cường hoạt động thể lực, duy trì thường xuyên, hiệu quả các hoạt động thể chất trong chương trình chính khóa và ngoại khóa, tăng cường vận động thể lực thông qua các sinh hoạt, vui chơi giải trí có tính chất vận động ở trường và hạn chế thời gian ngồi lâu tại chỗ;

- Theo dõi tình trạng dinh dưỡng của trẻ, duy trì tẩy giun định kỳ tại những vùng có tỷ lệ nhiễm giun cao.

đ) Cải thiện về số lượng, nâng cao chất lượng bữa ăn của người dân. Xây dựng kế hoạch và hướng dẫn bảo đảm an ninh thực phẩm, đặc biệt ở những địa bàn dễ bị ảnh hưởng; thúc đẩy mô hình sản xuất để tạo nguồn thực phẩm sẵn có, đảm bảo chất lượng cho bữa ăn tại hộ gia đình; hướng dẫn cho người dân về chế độ dinh dưỡng và hoạt động thể lực hợp lý.

e) Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ tư vấn và phục hồi dinh dưỡng trên địa bàn.

f) Nâng cao năng lực của hệ thống giám sát dinh dưỡng, hoàn thiện bộ công cụ và các chỉ số giám sát, quản lý cơ sở dữ liệu và cung cấp thông tin phục vụ xây dựng và triển khai kế hoạch; hoàn thiện và tăng cường năng lực giám sát trong tình huống khẩn cấp.

g) Theo dõi, giám sát thường quy và tổ chức các điều tra, khảo sát định kỳ nhằm đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện của Kế hoạch.

#### **4. Về nguồn lực**

- Củng cố và phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác dinh dưỡng, đặc biệt là mạng lưới cán bộ chuyên trách, y tế thôn bản và cô đỡ thôn bản ở tuyến cơ sở;
- Nâng cao năng lực chuyên môn và quản lý điều hành các chương trình, hoạt động dinh dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức từ huyện đến xã. Huy động sự tham gia của cộng tác viên công tác xã hội thuộc các cơ quan, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp;
- Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn, cập nhật kiến thức liên quan đến chăm sóc dinh dưỡng 1000 ngày đầu, dinh dưỡng và hoạt động thể lực, tư vấn dinh dưỡng và các hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật liên quan khác và tài liệu truyền thông giáo dục dinh dưỡng trong trường mầm non;
- Cung cấp và duy trì đầy đủ các vật tư, trang thiết bị cần thiết để đảm bảo triển khai các can thiệp dinh dưỡng tại tuyến cơ sở.

#### **5. Về khoa học công nghệ**

- Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học về dinh dưỡng và thực phẩm. Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ về chọn, tạo giống mới có hàm lượng các chất dinh dưỡng thích hợp; nghiên cứu sản xuất và chế biến các thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, sản phẩm dinh dưỡng và dinh dưỡng đặc hiệu phù hợp với các đối tượng để cải thiện phát triển thể chất, trí tuệ, nâng cao sức khỏe và phòng bệnh;
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý và cung cấp thông tin về dinh dưỡng và an toàn thực phẩm.

#### **6. Về kinh phí**

- Ngân sách nhà nước bảo đảm theo khả năng cân đối ngân sách và theo phân cấp ngân sách hiện hành, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ y tế, dân số, lồng ghép trong các chương trình, dự án có liên quan theo quy định của Luật ngân sách nhà nước;
- Kinh phí từ nguồn dự án chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số, phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội;
- Huy động sự tham gia, đóng góp, hỗ trợ của các tổ chức trong và ngoài nước; đặc biệt trong việc cung ứng các vi chất dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và trẻ em.

#### **7. Về theo dõi, giám sát và đánh giá**

- Xây dựng các chỉ số giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch theo hướng dẫn của Bộ Y tế;
- Thiết lập hệ thống theo dõi, thu thập thông tin từ tuyến huyện đến tuyến xã và thôn bản để phục vụ cho việc, đánh giá, giám sát về kết quả thực hiện Kế hoạch này;

- Thực hiện khảo sát, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch này tại các địa phương.

#### **IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn Ngân sách Nhà nước thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp quản lý ngân sách hiện hành, bao gồm lồng ghép nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn (nếu có); nguồn huy động cộng đồng và các tổ chức, cá nhân trong nước; nguồn viện trợ không hoàn lại và vốn vay từ các tổ chức quốc tế; các nguồn hợp pháp khác.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Phòng Y tế, Trung tâm Y tế huyện**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, đoàn thể huyện, UBND các xã, thị trấn triển khai, thực hiện Kế hoạch;

- Xây dựng và tổ chức thực hiện một số mô hình điểm về chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời tại các xã đặc biệt khó khăn, có tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi cao;

- Huy động các nguồn viện trợ, nguồn vốn vay, nguồn hỗ trợ phát triển chính thức cho thực hiện Kế hoạch; hàng năm xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện;

- Hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn cho các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện các nội dung của kế hoạch;

- Phối hợp với Trung tâm Văn hoá - Truyền thanh - Truyền hình huyện xây dựng các chuyên mục phát thanh, truyền hình, thông tin tuyên truyền và vận động thực hiện chế độ chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời;

- Chịu trách nhiệm điều phối, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch. Báo cáo UBND huyện và Sở Y tế kết quả thực hiện Kế hoạch trước ngày 30 tháng 11 hằng năm.

**2. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện:** Chủ trì, phối hợp với ngành Y tế hàng năm, căn cứ nguồn vốn trung ương hỗ trợ, khả năng cân đối ngân sách địa phương, tham mưu cho UBND huyện, trình HĐND huyện bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

**3. Phòng Dân tộc huyện:** Chủ trì, phối hợp với ngành Y tế thực hiện việc tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện chế độ dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời, xóa bỏ các hủ tục tập quán lạc hậu để thực hiện các hành vi có lợi cho sức khỏe bà mẹ, trẻ em; phối hợp với ngành Y tế, UBND các xã xây dựng và thực hiện các mô hình triển khai điểm tại các xã khó khăn, vùng dân tộc thiểu số.

**4. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện:** Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu triển khai thực hiện các nội dung,

hoạt động đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm; hướng dẫn các địa phương triển khai các mô hình sản xuất nông sản đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

### **5. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện**

- Chủ trì phối hợp với ngành Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện chính sách, quy định của pháp luật về đảm bảo dinh dưỡng hợp lý, tăng cường hoạt động thể lực, an toàn thực phẩm, vệ sinh phòng bệnh, phòng chống các yếu tố nguy cơ với sức khỏe và chăm sóc sức khỏe cho học sinh tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn huyện;

- Tổ chức triển khai các chương trình, hoạt động về chăm sóc bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và an toàn thực phẩm, sửa học đường tăng cường hoạt động thể lực và chăm sóc sức khỏe học sinh;

- củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả công tác y tế trường học, bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ dưới 5 tuổi.

**6. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện:** Chủ trì, phối hợp với ngành Y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các chính sách an sinh xã hội, trong đó chú trọng đến nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em người dân tộc thiểu số.

**7. Trung tâm Văn hoá - Truyền thanh - Truyền hình huyện:** Phối hợp với ngành Y tế tăng cường thông tin, tuyên truyền phổ biến các kiến thức về chế độ chăm sóc dinh dưỡng đối với phụ nữ có thai, trẻ em dưới 2 tuổi, phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi vùng dân tộc thiểu số và miền núi và Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng, dinh dưỡng hợp lý; chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời;

**9. Phòng Văn hóa và Thông tin huyện:** Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan quản lý, kiểm soát việc quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với các sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ em theo đúng quy định của pháp luật.

**10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức chính trị - xã hội huyện:** Căn cứ chức năng, nhiệm vụ triển khai, thực hiện Kế hoạch phòng, chống đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến các kiến thức về chế độ chăm sóc dinh dưỡng đối với phụ nữ có thai, trẻ em dưới 2 tuổi, chú trọng các nội dung như: Chăm sóc bà mẹ trước sinh, tư vấn, hướng dẫn cho con bú sữa mẹ, bổ sung vi chất, thực hiện dinh dưỡng hợp lý cho các đoàn viên, hội viên và nhân dân; phối hợp chặt chẽ với ngành Y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thực hiện xã hội hóa công tác dinh dưỡng và thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược.

### **11. UBND các xã, thị trấn**

- Xây dựng Kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện Kế hoạch tại địa phương; tiếp tục ưu tiên đưa các chỉ tiêu phòng, chống suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi vào chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hàng năm và 5



năm; tăng cường đầu tư nguồn lực cho thực hiện các mục tiêu thuộc địa phương quản lý;

- Chỉ đạo Trạm Y tế và đơn vị, tổ chức, đoàn thể trên địa bàn quản lý phối hợp chặt chẽ trong nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch tại địa phương, nhất là xây dựng và tổ chức thực hiện một số mô hình điểm về chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời tại xã đặc biệt khó khăn, có tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi cao. Hằng năm tổ chức sơ kết, báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch gửi về Trung tâm Y tế trước ngày 20/11, để tổng hợp, báo cáo UBND huyện và Sở Y tế theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch hành động phòng, chống suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2025 trên địa bàn huyện Tủa Chùa. UBND huyện đề nghị thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện đảm bảo các nội dung, yêu cầu./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh Điện Biên (b/c);
- Sở Y tế tỉnh Điện Biên (b/c);
- TT. Huyện uỷ;
- LĐ. UBND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Minh Tuân**

